

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 64/2023/HS-ST

Ngày: 10 -8 - 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tư
2. Ông Vũ Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 10/8/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 29/6/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 54/2023/QĐXXST-HS ngày 31/7/2023 đối với bị cáo:

Đỗ Trọng M, sinh năm 1995 tại Bình Phước; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Trọng V, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án:

+ Ngày 28/7/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng 20 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 22/10/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 19/4/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Đoàn Công H, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Quốc M1, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 25/10/2022, Đỗ Trọng M điều khiển xe mô tô biển số 52P6-0102 đi đến ngôi nhà của ông Đoàn Công H tại ấp T, xã T, huyện Đ để sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, M nảy sinh ý định lấy trộm cánh cửa sắt nhà ông H bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi tháo được 04 cánh cửa, M chở đến tiệm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị H1 tại ấp T, xã T, huyện Đ để bán. Trong khi chờ bán 04 cánh cửa thì bị ông H phát hiện nên trình báo vụ việc đến Công an xã T, huyện Đ.

Quá trình điều tra, Đỗ Trọng M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ĐGTS ngày 09/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận:

01 cánh cửa bằng kim loại sắt, có kích thước 78cm x 200cm, có kính có kích thước 65cm x 106cm có giá 346.450đ.

01 cánh cửa bằng kim loại sắt có kích thước 78cm x 200cm có giá 312.000đ.

02 cánh cửa bằng kim loại sắt có kích thước 40cm x 100cm có giá 160.000đ.

Tài sản bị cáo Đỗ Trọng M chiếm đoạt của bị hại có tổng giá trị 818.450đ (Tám trăm mười tám ngàn bốn trăm năm mươi đồng).

Tại Bản cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 29/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đỗ Trọng M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Trọng M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Trọng M mức án 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 52P6-0102 loại xe Cub màu xanh rêu chưa làm rõ được nguồn gốc, chủ sở hữu nên tách ra xác minh, xử lý sau nên không đề cập đến.

Bị cáo không tranh luận, không kêu oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 13 giờ ngày 25/10/2022, Đỗ Trọng M mượn xe mô tô biển số 52P6-0102 của anh Hoàng Quốc M1 đi đến ngôi nhà của ông Đoàn Công H tại ấp T, xã T, huyện Đ để sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, M nảy sinh ý định lấy trộm cánh cửa sắt nhà ông H bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi tháo được 04 cánh cửa, M chở đến tiệm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị H1 tại ấp T, xã T, huyện Đ để bán. Trong khi chờ bán 04 cánh cửa thì bị ông H phát hiện nên trình báo vụ việc đến Công an xã T, huyện Đ.

Theo kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ĐGTS ngày 09/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận:

01 cánh cửa bằng kim loại sắt, có kích thước 78cm x 200cm, có kính có kích thước 65cm x 106cm có giá 346.450đ.

01 cánh cửa bằng kim loại sắt có kích thước 78cm x 200cm có giá 312.000đ.

02 cánh cửa bằng kim loại sắt có kích thước 40cm x 100cm có giá 160.000đ.

Tài sản bị cáo Đỗ Trọng M chiếm đoạt của bị hại có tổng giá trị 818.450đ (Tám trăm mười tám ngàn bốn trăm năm mươi đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;.....”.

Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 28/7/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng 20 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 22/10/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này thì bị cáo chưa được xóa án tích, do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú truy tố bị cáo tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự ra trước phiên tòa hôm nay là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã thành niên, đang trong độ tuổi lao động, bị cáo có thể tự tìm kiếm cho mình một công việc phù hợp với năng lực và sức khỏe để mang lại thu nhập hợp pháp nhưng do lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi của mình. Bị cáo đã từng 2 lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo hoàn toàn nhận thức được chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức hình phạt tương xứng để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và mục đích phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng 02 lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại nên bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, bị cáo là người đi làm thuê và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với xe mô tô biển số 52P6-0102 loại xe Cub màu xanh rêu chưa làm rõ được nguồn gốc, chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các vật chứng khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Trọng M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Trọng M 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2023.

- Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Đỗ Trọng M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNV CA Đồng Phú;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện Đồng Phú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng